

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 289/2025/DS-ST
Ngày: 23-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nguyên
- Ông Đặng Văn Ân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Minh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 913/2024/TLST-DS ngày 04/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: **Công ty T (Việt Nam);**

Địa chỉ: I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L; địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông **Nguyễn Phạm Thành N**, sinh năm: 2000 (vắng mặt – có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: P, tầng D, tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1997 (vắng mặt);

Địa chỉ: B ấp B, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày:

Vào ngày 28/3/2023 Công ty T (Việt Nam) có ký hợp đồng tín dụng với bà Trần Thị H để cho bà H vay số tiền là 21.647.700 đồng, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/03/2026, với lãi suất là 4,83%/ tháng. Hàng tháng bà H phải thanh toán số tiền là 1.283.268 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã đóng tiền gốc và lãi cho công ty được 04 lần với tổng số tiền 5.788.988. Sau đó, bà H vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho công ty từ ngày 17/7/2023 đến nay.

Nay Công ty T (Việt Nam) yêu cầu bà Trần Thị H trả tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 23/4/2025 với số tiền là 35.804.771 đồng, trong đó: nợ gốc là 20.128.109 đồng, nợ lãi là 15.676.662 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt không thể hiện ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Công ty T (Việt Nam) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Trần Thị H. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện B, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa Công ty T (Việt Nam) và bà Trần Thị H được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2010226 ngày 29/01/2021, Công ty T (Việt Nam) đã cho bà Trần Thị H vay với mục đích mua hàng, với số tiền là 21.647.700 đồng, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 15/4/2023 đến ngày 15/03/2026, với lãi suất là 4,83%/ tháng; phương thức trả cả gốc lẫn lãi hàng tháng thanh toán 1.283.268 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã đóng tiền gốc và lãi từ tháng 4/2023 đến tháng 7/2023. Sau đó, bà H vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho Công ty. Theo Bảng kê tính lãi, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án thì bà Trần Thị H còn nợ Công ty T (Việt Nam) tính đến ngày 23/4/2025 với số tiền là 35.804.771 đồng, trong đó: nợ gốc là 20.128.109 đồng, nợ lãi là 15.676.662 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) là phù hợp với quy định tại các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đồng thời, bị đơn còn có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4450989 ngày 24/3/2023 cho đến khi bị đơn trả nợ xong.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Từ những lý lẽ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam).

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T (Việt Nam).

1.1. Buộc bà Trần Thị H có trách nhiệm trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 35.804.771 đồng (ba mươi lăm triệu tám trăm lẻ bốn đồng bảy trăm bảy mươi một đồng), trong đó: nợ gốc là 20.128.109 đồng, nợ lãi là 15.676.662 đồng.

1.2. Kể từ ngày 24/4/2025, bà Trần Thị H còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng số 4450989 ngày 24/3/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên.

Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Bà Trần Thị Hà C 1.790.239 đồng (một triệu bảy trăm chín mươi nghìn hai trăm ba mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. H1 lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 666.758 đồng (sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051112 ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự; (2)
- TAND TP . HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- Lưu: VT, hồ sơ. (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Việt